| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ TUY HÒA**<br>**TỈNH PHÚ YÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29/4/2022
V/v tranh chấp ly hôn

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Xuân Thu

*Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Bà Lê Thị Đông Nguyệt
2. Ông Lê Nghĩa.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bích Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hoà tham gia phiên tòa : Bà Lê Thị Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 14/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 28/2022/QĐST - HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Văn H, sinh năm 1994;
Địa chỉ: 07/7 đường N, phường X, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt

- *Bị đơn:* Chị Danh Ngọc C, sinh năm 1998;
Địa chỉ: 07/7 đường N, phường X, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn anh Lê Văn H trình bày được tóm tắt như sau:*

+ Về hôn nhân: anh H và chị Danh Ngọc C tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân được UBND phường X, thành phố T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 58 ngày 10/8/2017. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã cố gắng khắc phục nhưng càng ngày mâu thuẫn càng trầm trọng hơn. Chị C bỏ đi kể từ thời

gian đó cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn chị C để ổn định cuộc sống riêng mỗi bên.

+ Về con chung: có 01 con chung tên Lê B, sinh ngày 26/8/2017. Từ ngày vợ chồng xa nhau, con chung do anh nuôi dưỡng nên ly hôn xin nuôi con, không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết

**** Bị đơn chị Danh Ngọc C vắng mặt nên không trình bày.***

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

+ Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định, đảm bảo cho đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng thủ tục tố tụng; Đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: anh Lê Văn H được ly hôn chị Danh Ngọc C; về con chung: giao con chung tên Lê C, sinh ngày 26/8/2017 cho anh H nuôi dưỡng, chị C không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: không giải quyết; về án phí: nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thành phố Tuy Hòa nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa thụ lý thuộc thẩm quyền.

[2] Việc giải quyết theo thủ tục vắng mặt đương sự: Bị đơn chị Danh Ngọc C được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

[4] Về hôn nhân: Anh Lê Văn H và chị Danh Ngọc C tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường X, thành phố T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 58 ngày 10/8/2017, là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2019, chị C và anh H không sống chung, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn là thuộc trường hợp mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Tòa án nhiều lần triệu tập chị C để lấy lời khai và hòa giải nhưng chị Huyền không đến, điều này thể hiện chị C không có thiện chí hòa giải mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Do đó, mâu thuẫn giữa anh H và chị C đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H về việc xin ly hôn chị C.

[5] Về con chung: có 01 con chung tên Lê B, sinh ngày 26/8/2017. Từ ngày vợ chồng xa nhau, con chung do anh H nuôi dưỡng và cũng quen sống với anh H, nên để con chung phát triển tốt về thể chất, tinh thần, chấp nhận yêu cầu của anh H giao cháu B cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên chị C không phải cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung: anh Lê Văn H trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Nguyên đơn anh Lê Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

+ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

**Tuyên xử:**

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh Lê Văn H được ly hôn chị Danh Ngọc C.

- Về con chung: giao 01 con chung tên Lê B, sinh ngày 26/8/2017 cho anh Lê Văn H nuôi dưỡng. Chị Danh Ngọc C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Lê Văn H phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn; nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm*

*nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004945 ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục Thi hành án DS TP. Tuy Hòa;
- UBND phường X, thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Xuân Thu**

| HỘI THẨM NHÂN DÂN | | CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ |
|---|---|---|
| Lê Nghĩa | Nguyễn Thị Thu Thảo | Lê Xuân Thu |